TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 777/2025/DS-PT
Ngày: 21/7/2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 356/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 50/2025/TB-TA ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH B (Việt Nam)**; địa chỉ: tầng A, tòa nhà R, số I, đường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là tầng 15, tòa nhà R, số I, đường Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Lê H**, sinh năm 1975; địa chỉ: số B, đường N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B, đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2023), có mặt.

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH Q**; địa chỉ: số C, Trung tâm thương mại S, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số C, Trung tâm thương mại S, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Đỗ Đình N**, sinh năm 1984; địa chỉ: B, chung cư F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B, chung cư F, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: số A, đường V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A, đường V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản quyền ngày 19/7/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty Cổ phần I**; địa chỉ: tầng H, khu P, số A, S Xa Lộ H, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là tầng 8, khu phức hợp Cantavil A, số A, S Xa Lộ H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc H1 – Chức vụ: Giám đốc, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. **Công ty Cổ phần R**; địa chỉ: tòa nhà A, số A, đường số C, khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A Space O, số A, đường số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị T – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: **Công ty TNHH B (Việt Nam)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH B (Việt Nam) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH B (Việt Nam) (viết tắt là Công ty B) đã chấp thuận cung cấp bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho Công ty TNHH I (viết tắt là Công ty I), có địa chỉ tại A, L, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng bảo hiểm với chi tiết như sau: Hợp đồng bảo hiểm số P0021PAR10012957; thời hạn bảo hiểm từ ngày 01/7/2021 đến ngày 01/7/2022; tài sản được bảo hiểm: Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái; địa điểm được bảo hiểm: Mái nhà Công ty L, Lô B, B2 Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên mái nhà); bên mua bảo hiểm Công ty I (bên mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm). Người thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh H3 – Phòng G1.

Vào hồi 15 giờ 56 phút, ngày 18/4/2022, đã xảy ra cháy tại trạm điện thuộc xưởng G2 (nhà xưởng 8), Công ty TNHH L (viết tắt là Công ty L), địa chỉ: đường số F, Lô B, B2 Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang – là nơi có tài sản được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm nêu trên. Đám cháy đã được khống chế lúc 16 giờ 40 phút cùng ngày. Sự việc đã được báo cáo lên các

bên liên quan và cơ quan chức năng Nhà nước để điều tra nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Sau khi đám cháy được dập tắt, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh H (viết tắt là Phòng C) đã cử lực lượng phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành điều tra nguyên nhân vụ cháy theo thẩm quyền. Theo Công văn số 59/PCCC ngày 10/5/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH thông báo nguyên nhân dẫn đến vụ cháy là: "Vùng cháy đầu tiên: tại hông tủ điện AC Combine. Nguyên nhân cháy: do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc". Sau khi nhận được thông báo tổn thất, ngày 19/4/2022, Công ty B đã ký "Thư Thông báo ủy thác Công ty giám định", chỉ định và ủy nhiệm cho đơn vị giám định – Công ty TNHH V tiến hành giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất, tính toán giá trị bồi thường.

Quá trình giám định, sự việc cụ thể được xác định như sau:

Ngày 28/9/2020, Công ty I và Công ty TNHH R (viết tắt là Công ty R) ký Hợp đồng xây lắp số 280920/HDXL/RESCOX-INDEFOL. Theo hợp đồng thì Công ty I là bên giao thầu, Công ty R X là bên nhận thầu thi công các hạng mục xây lắp Hệ thống điện năng lượng mặt trời Công ty L, địa chỉ: đường số F, Lô B, B2 Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Ngày 04/4/2022, Công ty R ký Hợp đồng kinh tế số: 01/22/HĐCCLĐ-QV-RESCOX với Công ty TNHH Q (viết tắt là Công ty Q), theo Hợp đồng này, Công ty R thuê Công ty Q thi công một số hạng mục công việc tại công trình hệ thống năng lượng mặt trời áp mái nêu trên.

Theo Điều 5, Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số 01/22/HĐCCLĐ-QV-RESCOX, trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động của Công ty Q được quy định như sau:

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

"Đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ liên quan đến công trình cho Bên A và khu vực xung quanh trong suốt quá trình thực hiện công việc tại công trình. Chịu trách nhiệm về an toàn lao động con người và phương tiện thi công trong suốt quá trình thi công trên công trường. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên A không có trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào với con người và thiết bị máy móc của Bên B trên công trường".

Điều 6. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm

"Trường hợp Bên B không đảm bảo an toàn lao động, gây ra sự cố trong quá trình thi công lắp đặt, gây ra thiệt hại về người, về trật tự, thiết bị gây thiệt hại cho việc cung cấp điện của trạm điện thì Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại đã gây ra cho Bên A và các bên liên quan".

Tuy nhiên, ngày 18/4/2022, trong quá trình thi công, công nhân của Công ty Q cắm máy khoan vào ổ điện để sạc, máy khoan được để gần tủ điện AC của hệ thống điện năng lượng mặt trời. Trong quá trình sạc, pin của máy khoan đã phát nổ và gây ra đám cháy, dẫn đến các thiết bị: tủ điện AC (AC C) và hệ thống

dây cáp AC 300 của hệ thống điện năng lượng mặt trời bị cháy và hư hỏng không thể sửa chữa. Ngày 27/10/2022, theo Biên bản cuộc họp giữa đại diện Công ty I, Công ty R và Công ty Q, đại diện theo pháp luật của Công ty Q là ông Bùi Ngọc T1 đã xác nhận pin máy khoan và các vật tư bảo hộ bị cháy là của Công ty Q. Theo kết quả giám định của Công ty giám định, tủ điện AC và hệ thống dây cáp AC 300 thuộc hệ thống điện năng lượng mặt trời đã bị cháy, hư hỏng, số tiền thiệt hại thuộc phạm vi bồi thường bảo hiểm được xác định là 303.434.869 đồng và số tiền bồi thường cuối cùng sau khi khấu trừ mức miễn thường và giá trị thu hồi phế liệu là 231.943.469 đồng. Sau khi kiểm tra hồ sơ và xác định tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Công ty B đã quyết định bồi thường cho Công ty I số tiền là 231.943.469 đồng. Ngày 12/12/2022, người thụ hưởng bảo hiểm - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã ký văn bản "Xác nhận của người thụ hưởng" đề nghị Công ty B chuyển số tiền bồi thường nêu trên cho Công ty I. Ngày 15/12/2022, Công ty I đã ký "Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn". Ngày 05/01/2023, Công ty B chuyển số tiền bồi thường nêu trên cho Công ty I. Theo "Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn", Công ty B có quyền yêu cầu Công ty Q là đơn vị có lỗi gây ra thiệt hại nêu trên bồi hoàn số tiền bồi thường mà Công ty B đã thanh toán bồi thường cho Công ty I.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 584 và Điều 600 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và khoản 1, Điều 49 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010, 2019 về trách nhiệm quyền yêu cầu bồi hoàn trong kinh doanh bảo hiểm, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH Q bồi hoàn toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH B (Việt Nam) đã bồi thường cho Công ty Cổ phần I là 231.943.469 đồng phát sinh theo Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty TNHH B (Việt Nam) và Công ty Cổ phần I.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Q là ông Đỗ Đình N trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi các căn cứ pháp lý sau đây:

Thứ nhất: việc nguyên đơn cho rằng nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm do bị đơn là không có cơ sở. Bị đơn cho rằng có sự mâu thuẫn giữa các biên bản về việc xác định nguyên nhân của vụ cháy nổ xảy ra tại Công ty L. Bởi lẽ: Tại Biên bản vụ cháy (nổ) tại Công ty L ngày 18/4/2022 xác định *"Nguyên nhân: Nhận định ban đầu do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc".* Việc Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH xác định "Nguyên nhân cháy: Do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc" theo Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC ngày 10/5/2022 và theo Công văn số 225/PCCC ngày 13/9/2024. Tuy nhiên, căn cứ vào STT 4, Mục 1, Phần III của Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 19/4/2022 thể hiện "Có 1 cục sạc pin của máy khoan không còn nguyên vẹn, 5 cục còn lại bình thường vẫn nằm trong cục sạc nhưng không cắm điện sạc". Đồng thời, tại Phần II của Biên bản cũng thể hiện rằng "Hiện trường được nhân viên nhà máy

cô lập cho đến khi các bên có liên quan thực hiện khảo sát ghi nhận hiện trường". Vậy thì không thể nào có sự tác động từ bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hiện trạng của vụ cháy nổ được. Theo hình ảnh ghi nhận tại hiện trường ngày 19/4/2022 xảy ra vụ việc thì cục sạc pin của máy khoan không cắm điện sạc? Pin không cắm sạc thì không thể nào nổ được? Không có cắm sạc vậy tại sao kết luận lại bị nổ trong quá trình sạc? Như vậy, có sự mâu thuẫn giữa các biên bản về việc xác định nguyên nhân của vụ cháy nổ xảy ra tại Công ty L.

Ngoài sự mâu thuẫn giữa các biên bản nêu trên, bị đơn cho rằng việc kết luận nguyên nhân của vụ cháy nổ xảy ra tại Công ty L là không khách quan, cụ thể:

Một là, quy trình thủ tục thực hiện việc kiểm tra hiện trường, xác định nguyên nhân của vụ cháy nổ chưa thật sự công khai, đúng thành phần. Căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 27/10/2022 về việc sự cố cháy tại dự án L, ông Trần Quốc H2 có mặt tại hiện trường vụ cháy và nhận định "Công ty Q có mặt tại hiện trường nhưng không tham gia chữa cháy và khắc phục thiệt hại". Tuy nhiên, tại Biên bản vụ cháy (nổ) tại Công ty L ngày 18/4/2022 thì thành phần tham dự xác minh vụ cháy không có sự tham dự của Công ty Q. Công ty Q là đơn vị thi công công trình nên bắt buộc phải có mặt tại hiện trường lúc xảy ra sự việc, đồng thời, có sự xác nhận của ông Trần Quốc H2 là Phó Giám đốc Công ty I (thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 27/10/2022). Vậy lý do tại sao, Công ty Q không nằm trong thành phần làm việc và ký xác nhận việc cháy nổ xảy ra tại Công ty L? Vậy biên bản ngày 18/4/2022 có khách quan và đầy đủ thành phần không? Nội dung sự việc xảy ra được nghe từ một phía sẽ ảnh hưởng đến kết luận điều tra của vụ việc, đồng thời, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q.

Hai là, đối với Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC ngày 10/5/2022, bị đơn cho rằng chưa thực sự đủ cơ sở để xác định nguyên nhân vụ cháy, bởi lẽ: khi xác định pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc thì Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH buộc phải biết pin máy khoan này thuộc quản lý của đơn vị nào? Lỗi cố ý hay vô ý để xảy ra vụ cháy? Thì khi xác định được những điều này, bị đơn cho rằng Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH có trách nhiệm thông báo đến Công ty Q những thông báo này để Công ty Q có những phản hồi và cung cấp chứng cứ cho Phòng C & CNCH để có đánh giá chính xác và khách quan nguyên nhân vụ cháy. Tuy nhiên, chúng tôi nhận được văn bản này từ Công ty R nên bị đơn cho rằng kết luận này không khách quan, chưa đủ cơ sở để kết luận nguyên nhân vụ cháy.

Ba là, tại Mục V của Kết luận giám định số 7949 ngày 14/01/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện rằng: "Không có đủ cơ sở xác định nguyên nhân vụ cháy tại Công ty L có phải do sự cố cắm sạc pin máy khoan của Công ty Q gây ra hay không". Đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 55/2020/BCA ngày 03/6/2020 của Bộ C1 quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân có quy định về thẩm quyền giải quyết của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh như sau: chủ

trì điều tra, giải quyết vụ cháy không có thiệt hại về người, không có yếu tố nước ngoài và thiệt hại về tài sản ban đầu dưới 100.000.000 đồng tại cơ sở được phân cấp quản lý về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn cấp huyện chưa thành lập Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Do đó, việc Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH ban hành Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC ngày 10/5/2022 rằng nguyên nhân cháy là "do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc" là không đúng thẩm quyền và hoàn toàn không có cơ sở.

Biên bản vụ cháy (nổ) tại Công ty L ngày 18/4/2022 và Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH ngày 10/5/2022 thực hiện chưa đúng quy trình, chưa công khai đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc xảy ra. Đồng thời, giữa Biên bản vụ cháy (nổ) tại Công ty L ngày 18/4/2022 và Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 19/4/2022 và Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH ngày 10/5/2022 có sự mâu thuẫn nghiêm trọng trong việc xác định nguyên nhân của vụ cháy.

Thứ hai: Xác định mức độ tổn thất, giá trị thiệt hại, số tiền bồi thường: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024, lời khai của phía nguyên đơn thì xác định ngày 19/4/2022, nguyên đơn đã ký "Thư Thông báo ủy thác Công ty giám định", chỉ định và ủy nhiệm cho đơn vị giám định – Công ty TNHH V tiến hành giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất, tính toán giá trị bồi thường. Việc chỉ định này chỉ được Công ty I đồng ý. Phía nguyên đơn căn cứ theo kết quả giám định xác định số tiền thiệt hại phải bồi thường là 303.434.869 đồng và số tiền bồi thường cuối cùng sau khi khấu trừ mức miễn thường và giá trị thu hồi phế liệu là 231.943.469 đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của phía nguyên đơn mà không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Nguyên đơn đã thực hiện việc sao chụp toàn bộ hồ sơ của vụ án nhưng không thấy bất kỳ Kết luận giám định nào như nguyên đơn trình bày. Mặt khác, bị đơn cho rằng Kết luận giám định mà nguyên đơn đã trình bày cũng chưa thật sự khách quan vì Công ty TNHH V là đơn vị giám định của Công ty B mời, không phải là đơn vị bảo hiểm độc lập và không có sự đồng ý của Công ty Q. Mặt khác, Công ty Q không biết gì về việc giám định tổn thất xảy ra cho đến khi được Tòa triệu tập đến làm việc và đọc đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng việc xác định tổn thất, tính giá trị thiệt hại, số tiền bồi thường là những chứng cứ cần thiết để giải quyết vụ án yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án, những chứng cứ nêu trên không được thể hiện để làm cơ sở giải quyết vụ án. Phía nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại thì phải cung cấp được các chứng cứ chứng minh về quyền khởi kiện của mình theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, lập luận và đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần I có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:

Công ty I thống nhất với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn Công ty B vì:

Thứ nhất: có phát sinh sự kiện bảo hiểm giữa Công ty B và Công ty I. Ngày 30/6/2021, Công ty B đã phát hành hợp đồng bảo hiểm số P0021PAR10012957 cho "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái" tại địa chỉ mái nhà Công ty L, Lô B, B2, Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang đối với người được bảo hiểm là Công ty I. Vào lúc 15 giờ 56 phút ngày 18/4/2022: xảy ra vụ cháy trạm điện thuộc xưởng G (nhà xưởng 8) của Công ty L - nơi có tài sản bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm nêu trên. Theo biên bản ghi lại hiện trường xác định vụ cháy được khắc phục vào lúc 16 giờ 30 cùng ngày; thiệt hại bao gồm: 06 pin máy khoan cầm tay; 01 tủ điện AC, dây cáp lực; cáp điện và trần nhà trạm điện, ... đều bị cháy, hư hỏng. Nhận định nguyên nhân ban đầu là do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc. Ngày 10/5/2022, Phòng C đã có Thông báo số 59/PCCC kết luận nguyên nhân vụ cháy là do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc. Dựa trên kết quả giám định của Công ty giám định độc lập do Công ty B chỉ định và được sự đồng ý của Công ty I đã có báo cáo kết quả tài sản bị thiệt hại có số tiền là: 303.434.869 đồng. Trên cơ sở xác định được nguyên nhân và tài sản bị thiệt hại từ vụ cháy thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Công ty B đã thực hiện bồi thường số tiền 231.943.469 đồng (số tiền sau khấu trừ mức miễn thường và giá trị thu hồi phế liệu) và hoàn tất chuyển số tiền bồi thường nêu trên cho người thụ hưởng vào ngày 12/12/2022.

Thứ hai: tồn tại quan hệ hợp tác giữa Công ty I và Công ty R và Công ty Q. Ngày 28/9/2020, Công ty I đã ký Hợp đồng xây lắp số: 280920/HDXL/RESCO X-INDEFOL về việc giao thầu thi công dự án lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại nhà máy Công ty L với Công ty R X. Ngày 04/4/2020, Công ty R ký Hợp đồng kinh tế số 01/22/HĐCCLĐ/QV-RESCOX để thực hiện thi công lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Việc ký hợp đồng thầu phụ này là hoàn toàn phù hợp căn cứ theo Điều 7.2 Hợp đồng số 280920 nêu trên cho phép Công ty R X được quyền thuê thầu phụ, cụ thể: *"Công ty R không được phép giao cho thầu phụ quá 30% giá trị hợp đồng ký kết giữa hai bên, trong trường hợp giao cho thầu phụ vượt quá 30% giá trị hợp đồng thì phải được chấp nhận của Bên A (Công ty I) ".* Trường hợp này giá trị hợp đồng với nhà thầu phụ Công ty Q không cần chấp thuận của Công ty I.

Thứ ba: nguyên nhân vụ cháy được xác định là do phương tiện, thiết bị thi công của Công ty Q. Để đảm bảo an toàn trong thi công, trước khi thực hiện công việc Công ty Q đã được đại diện nhà máy L1 II hướng dẫn các nội quy, quy chế an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Trên cơ sở cam kết tại Hợp đồng kinh tế giữa Công ty R và Công ty Q cũng thỏa thuận cụ thể về việc Công ty Q có nghĩa vụ đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ. Tuy nhiên, khi Công ty Q thực hiện thi công công trình đã xảy ra sự kiện cháy nổ. Căn cứ vào Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC ngày 10/5/2022 như đã nêu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH đã xác định nguyên nhân cháy: Do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc. Theo biên bản làm việc ngày 27/10/2022 giữa Công ty R, Công ty I và Công ty Q về sự cố cháy tại dự án L, đại diện Công ty Q là ông Bùi Ngọc T1 đã xác nhận pin khoan và các vật tư bảo hộ bị cháy là của Công ty Q.

Thứ tư: Công ty B có cơ sở để yêu cầu Công ty Q bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Căn cứ Điều 584 của Bộ luật Dân sự quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng việc Công ty Q có vi phạm trong quá trình thi công, sử dụng thiết bị không đảm bảo an toàn gây ra thiệt hại đối với các tài sản tại công trình, làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Công ty B. Đồng thời, sau khi được Công ty B bồi thường số tiền bảo hiểm, ngày 15/12/2022 Công ty I đã thực hiện xác nhận chuyển quyền đòi bồi thường thiệt hại đối với bên thứ ba cho Công ty B. Do đó, Công ty B hoàn toàn có quyền yêu cầu Công ty Q thực hiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Từ những lập luận trên, Công ty I thống nhất với yêu cầu Công ty Q phải hoàn trả số tiền như đơn khởi kiện của Công ty B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần R có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:

Công ty R thống nhất với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn Công ty B vì:

Thứ nhất: trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công ty Q với vai trò là nhà thầu thi công lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty L. Ngày 28/9/2020, Công ty R ký Hợp đồng xây lắp số: 280920/HDXL/RESCO X-INDEFOL về việc giao thầu thi công dự án lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Nhà máy Công ty L với Công ty I. Ngày 04/4/2022, Công ty R ký Hợp đồng kinh tế số 01/22/HĐCCLĐ-QV-RESCO X với Công ty TNHH Q để thực hiện các công việc về nhân công thực hiện thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời và các công việc khác. Theo đó, Hợp đồng quy định trách nhiệm của Công ty Q như sau:

"Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B (Công ty Q)

Đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ liên quan đến công trình cho Bên A và khu vực xung quanh trong suốt thời gian thực hiện công việc tại công trình.

Chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện thi công trong suốt quá trình thi công trên công trường. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Bên A (Công ty R) không có trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào đối với con người và thiết bị máy móc của Bên B trên công trường".

Điều 6. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm

Trường hợp Bên B không đảm bảo an toàn lao động, gây ra sự cố trong quá trình thi công lắp đặt, gây ra thiệt hại về người, về vật tư, thiết bị, gây thiệt hại cho việc cung cấp điện của trạm điện thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho bên A và các bên liên quan".

Như vậy, trường hợp xảy ra thiệt hại trong quá trình thực hiện dự án do lỗi không đảm bảo an toàn lao động và phương tiện thi công, Công ty Q sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A và các bên liên quan (Công ty I và Công ty B).

Thứ hai: sự kiện mất an toàn cháy nổ xảy ra do thiết bị của Công ty Q. Theo biên bản ghi lại hiện trường xác định vụ cháy được khắc phục vào lúc 16 giờ 30 cùng ngày; thiệt hại bao gồm: 06 pin máy khoan cầm tay; 01 tủ điện AC, dây cáp lực; cáp điện và trần nhà trạm điện đều bị cháy, hư hỏng nặng. Nhận định nguyên nhân ban đầu là do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc. Ngày 10/5/2022, Phòng C đã có Thông báo số 59/PCCC kết luận nguyên nhân vụ cháy là do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc. Theo Biên bản làm việc ngày 27/10/2022 giữa Công ty R, Công ty I và Công ty Q về sự cố cháy tại dự án L, đại diện Công ty Q là ông Bùi Ngọc T1 đã xác nhận pin khoan và các vật tư bảo hộ bị cháy là của Công ty Q.

Thứ ba: về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Công ty B. Theo thông tin do Công ty I cung cấp, Công ty I đã được Công ty B thực hiện bồi thường số tiền 231.943.469 đồng (số tiền sau khấu trừ mức miễn thường và giá trị thu hồi phế liệu) và vào ngày 15/12/2022 Công ty I đã thực hiện xác nhận chuyển quyền đòi bồi thường thiệt hại đối với bên thứ ba cho Công ty B. Căn cứ theo Điều 584 của Bộ luật Dân sự hiện hành quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì Công ty Q có trách nhiệm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra.

Do đó, Công ty B có quyền yêu cầu Công ty Q thực hiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Từ những lập luận trên, Công ty R thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Công ty B, và đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải bồi thường số tiền nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH Q về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2025 Công ty TNHH B (Việt Nam) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp

được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty I và Công ty R có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu mời Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tỉnh C tham gia phiên tòa để làm rõ thẩm quyền ban hành Công văn số 59/PCCC ngày 10/5/2022. Xét thấy, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có công văn yêu cầu Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tỉnh C cung cấp thông tin về việc ban hành văn bản trên và cơ quan này đã có văn bản phúc đáp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết mời Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tỉnh C theo đơn yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Ngày 28/9/2020, Công ty I và Công ty R đã ký Hợp đồng xây lắp số 280920/HDXL/RESCOX-INDEFOL. Theo hợp đồng, Công ty I là bên giao thầu, Công ty R X là bên nhận thầu thi công các hạng mục xây lắp Hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty L, địa chỉ: đường số F, Lô B, B2 Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

[4] Sau khi ký hợp đồng xây lắp trên, Công ty I đã được Công ty B chấp thuận cung cấp bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Các chi tiết của hợp đồng bảo hiểm như sau: số hợp đồng bảo hiểm: P0021PAR10012957; thời hạn bảo hiểm: từ ngày 01/7/2021 đến ngày 01/7/2022; tài sản được bảo hiểm: hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái; địa điểm được bảo hiểm: mái nhà Công ty L, Lô B, B2 Khu công nghiệp T - Giai đoạn 1, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; bên mua bảo hiểm: Công ty I (đồng thời là người được bảo hiểm); người thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh H3 – Phòng G1.

[5] Đến ngày 04/4/2022, Công ty R đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/22/HĐCCLĐ-QV-RESCOX với Công ty Q, thuê Công ty Q thi công một số hạng mục tại công trình hệ thống năng lượng mặt trời nêu trên. Trong quá trình thi công, ngày 18/4/2022, một vụ cháy đã xảy ra tại trạm điện thuộc xưởng G2 (nhà xưởng 8) của Công ty L, nơi có tài sản thuộc dự án của Công ty I. Theo hồ sơ do Phòng C & CNCH tỉnh C cung cấp, các tài liệu liên quan bao gồm Biên bản vụ cháy ngày 18/4/2022 và Biên bản ghi lời khai của ông Trần Đức T2. Theo kết luận giám định của công ty G3 thì tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 303.434.869 đồng. Sau khi khấu trừ mức miễn thường và giá trị thu hồi phế liệu, số tiền bồi thường cuối cùng được xác định là 231.943.469 đồng. Công ty B đã thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm và bồi thường cho Công ty I số tiền 231.943.469 đồng.

[6] Nguyên đơn căn cứ vào Điều 6.1 của Hợp đồng kinh tế số 01/22/HĐCCLĐ-QV-RESCOX, được ký kết giữa bị đơn Công ty Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty R quy định: "*Trường hợp bên B (là bị đơn) không đảm bảo an toàn lao động, gây ra sự cố trong quá trình thi công lắp đặt, gây ra thiệt hại... thì bên B (bị đơn) chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại đã gây ra cho bên A (là Công ty R) và các bên liên quan*" để yêu cầu bị đơn phải bồi hoàn số tiền 231.943.469 đồng là số tiền mà nguyên đơn đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty I do sự cố cháy xảy ra vào ngày 18/4/2022 tại trạm điện thuộc xưởng G2 (nhà xưởng 8) tại Công ty L.

[7] Xét, Thông báo kết luận nguyên nhân vụ cháy số 59/PCCC ngày 10/5/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tỉnh C đưa ra nhận định: *"Vùng cháy đầu tiên: tại hông tủ điện AC Combine. Nguyên nhân cháy: do pin máy khoan bị nổ trong quá trình sạc."*. Thông báo không làm rõ được nơi xuất điểm cháy đầu tiên là tại vị trí nào (pin hay ổ cắm). Ngoài ra, do hiện trường đã bị xáo trộn trong quá trình chữa cháy và dọn dẹp, dẫn đến không còn mẫu vật để trưng cầu giám định kỹ thuật hình sự cần thiết nhằm xác định nguyên nhân chính xác của vụ cháy, việc pin máy khoan bị nổ là do lỗi kỹ thuật của thiết bị hay do hệ thống điện không đảm bảo hay các yếu tố khác tác động. Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH đưa ra kết luận nguyên nhân vụ cháy dựa trên xác minh thực tế, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan, lấy lời khai những người biết sự việc xảy ra, bàn bạc, trao đổi giữa các bên liên quan là Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH, Công an Đồn khu công nghiệp T3, Công ty L, Công ty I. Hồ sơ vụ việc hoàn toàn không có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền (như Phòng K hoặc V1) để làm cơ sở cho việc xác định nguyên nhân cháy. Mặt khác, Biên bản vụ cháy không có sự tham gia của đại diện Công ty Q và hồ sơ cũng không có biên bản ghi lời khai của Công ty Q là chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 của Bộ C1.

[8] Tại Kết luận giám định số 7949 ngày 14/01/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – V1 kết luận: Do không có mẫu vật gửi giám định nên không đủ cơ sở xác định nguyên nhân vụ cháy tại Công ty TNHH L có phải do sự cố cắm sạc pin máy khoan của Công ty TNHH Q gây ra hay không. Ngoài ra, các đương sự đã không cung cấp được thông số kỹ thuật của loại pin bị nổ để có thể tiến hành giám định đối với mẫu vật tương tự; tại thời điểm xảy ra vụ cháy, không có bất kỳ người nào có mặt tại hiện trường và trực tiếp chứng kiến sự việc phát cháy, do đó không thể triệu tập người làm chứng về nguồn phát cháy.

[9] Như vậy, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không chứng minh được bị đơn có hành vi vi phạm nghĩa vụ đảm bảo an toàn trong quá trình thi công và thiết bị của bị đơn là nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ cháy ngày 18/4/2022. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[10] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[11] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH B (Việt Nam) phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH B (Việt Nam).

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0008027 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Tòa Phúc thẩm – TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (16), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết